TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84 / 2018 / DS - ST
Ngày: 19 / 6 / 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Quốc Thanh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 về việc " *Tranh chấp* h*ợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Anh Đ,** sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Số 63, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà **Lê Anh O**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 575, đường Lê Thánh Tôn, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Người đại diện theo ủy quyền của bà O: Ông Lê Hùng L, sinh năm 1979 – Địa chỉ: Ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Đ trình bày: Ngày 01/6/2016, bà và bà O có làm hợp đồng mua bán 01 chiếc xe tải biển số 67C-035.27 với giá 300.000.000 đồng, bà O hỏi mượn trước của bà 418.000.000 đồng. Do giấy tờ xe bà O đang thế chấp Ngân hàng và còn nợ Ngân hàng 135.000.000 đồng nên bà và bà O thỏa thuận bà sẽ đứng ra trả khoản nợ này để lấy giấy tờ xe ra và sau khi lấy giấy tờ xe, bà O sẽ bán chiếc xe cho bà với giá 165.000.000 đồng, hiện bà và bà O đã thực

hiện xong việc chuyển nhượng chiếc xe. Số tiền còn lại sau khi khấu trừ tiền bán xe là 253.000.000 đồng, bà trừ đi những khoản nợ đến mua đồ nhà bà O là 34.500.000 đồng, còn lại 218.000.000 đồng. Nay yêu cầu bà O trả cho bà 218.000.000 đồng và tính lãi trên số vốn kể từ ngày nộp đơn khởi kiện, lãi suất 1%/tháng.

Bị đơn là bà O, người đại diện theo ủy quyền của bà O không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, do bà O vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp chứng cứ mới.

Tại phiên tòa, bà Đ rút lại yêu cầu tính lãi.

Bà O, ông L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Anh Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết buộc bà Lê Anh O thanh toán khoản nợ đã mượn; các đương sự có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bà O, ông L vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Bà Đ không yêu cầu tính lãi trên số vốn kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện với lãi suất là 1%/tháng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán, do vậy được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Năm 2016 bà O có mượn bà Đ số tiền là 418.000.000 đồng, có làm hợp đồng, không ấn định thời điểm thanh toán. Theo bà Đ, kể từ khi nhận tiền cho đến nay bà O đã trả được một phần tiền vốn, còn nợ lại 218.000.000

đồng thì không trả nữa. Khi tham gia giao dịch các bên đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 19/3/2018 bà Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu bà O thanh toán nợ là có căn cứ và hợp pháp.

[3] Về loại hợp đồng: Việc vay tiền được lập thành văn bản nhưng được các đương sự thống nhất với nhau trong hợp đồng về thời điểm vay, không lãi suất, không ấn định thời gian thanh toán nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Căn cứ áp dụng pháp luật: Mặc dù việc vay tiền phát sinh trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thi hành nhưng do đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và căn cứ vào đơn khởi kiện thì thời điểm quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn bị xâm phạm là sau ngày 01/01/2017, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Đánh giá chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ cung cấp 01 Hợp đồng ngày 01/6/2016, nội dung bà mua chiếc xe tải do bà O đứng tên với giá 300.000.000 đồng, bà O có mượn của bà 418.000.000 đồng và còn thiếu nợ Ngân hàng 135.000.000 đồng, bà Đ trả dứt khoản nợ trên cho bà O để lấy giấy tờ xe ra và các bên có tính lại tổng số tiền còn lại là sau khi trừ đi số tiền chênh lệch mà bà O bán xe là 165.000.000 đồng với số tiền bà O đã mượn là 418.000.000 đồng, còn nợ lại là 253.000.000 đồng. Bà Đ cho biết ngoài khoản tiền chênh lệch bán xe, có nhiều lần bà đến mua hàng hóa nhà bà O, sau khấu trừ tiền mua hàng vào khoản nợ còn lại thì bà O còn nợ lại bà 218.000.000 đồng và bà O có ghi các khoản tiền mua hàng vào Hợp đồng ngày 01/6/2016.

Xét thấy: Nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự. Trong vụ án này, bà O không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ mà bà Đ cung cấp để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình, không cung cấp chứng cứ và không tham gia các phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải nên được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình và Tòa án xét xử vụ án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà O có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền 218.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì bà Đ không phải chịu án phí, bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Anh Đ.

Buộc bà Lê Anh O phải trả cho bà Đ số tiền 218.000.000 (Hai trăm mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí: Bà O phải chịu 10.900.000 (Mười triệu chín trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đ không phải chịu án phí, bà được nhận lại 6.808.000 (Sáu triệu tám trăn lẻ tám ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002884 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo